TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST
Ngày 05-8-2022
V/v ly hôn

NHÂN DANG
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Thi

2. Ông Đỗ Văn Thư

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Hằng, Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Bà Trương Thị Thanh Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị B; nơi cư trú: B, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Dương Quang T; nơi cư trú; Thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 06 tháng 5 năm 2022, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Dương Quang T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A (nay là huyện A), thành phố Hải Phòng vào ngày 20 tháng 4 năm 1991. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn N, xã A, huyện A, thành phô Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng

quan điểm sống, do ông T không tin tưởng và nghi ngờ bà không chung thủy nên trong cuộc sống hàng ngày thường có những lời nói xúc phạm bà mỗi khi vợ chồng bất đồng về một vấn đề nào đó trong cuộc sống và vợ chồng không có sự chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống hàng ngày. Do mâu thuẫn căng thẳng nên bà và ông T đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được, bà không đồng ý đoàn tụ với ông T và bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Dương Quang T.

Về con chung: Bà và ông T có hai con chung là Dương Quang K sinh ngày 01 tháng 3 năm 1992 và Dương Quang T sinh ngày 02 tháng 6 năm 1998. Hiện tại các con đã trưởng thành nên tự quyết định cuộc sống của mình.

Về tài sản chung: Bà và ông T có tài sản chung là diện tích đất 604m^2, ngôi nhà khoảng 100m^2 trên diện tích đất 604m^2 thuộc số thửa 667 tờ bản đồ số 12 tại thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng, diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Dương Quang T ngày 04/9/2003 và bà yêu cầu Tòa án chia tài sản này khi giải quyết ly hôn nhưng nay bà rút yêu cầu chia tài sản chung nêu trên để bà và ông T tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại các bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Dương Quang T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian, điều kiện kết hôn của vợ chồng như lời khai bà B đã trình bày ở trên. Quá trình chung sống ông và bà B không có mâu thuẫn gì lớn chỉ là những mâu thuẫn nhỏ hàng ngày. Bà B bị mất ngủ dài ngày nên hay suy diễn, tìm những lỗi của ông và xích mích của vợ chồng từ lâu để tranh luận với ông dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn và bà B tự sống ly thân với ông hơn hai năm nay. Việc bà B nộp đơn ly hôn và đưa ra quyết định ly hôn là do bà B bị trầm cảm, căng thẳng, lo âu chuyện gia đình nên ông không đồng ý ly hôn với bà B vì vẫn còn tình cảm với bà B và vì mâu thuẫn vợ chồng có thể hàn gắn được nếu vợ chồng về chung sống với nhau.

Về con chung: Ông và bà B có hai con chung như lời hai của bà B đã trình bày, hiện các con Dương Quang K và Dương Quang T đã đủ 18 tuổi nên tự quyết định cuộc sống của mình.

Về tài sản chung: Ông và bà B có tài sản chung là ngôi nhà và diện tích đất tại thửa đất 667 tờ bản đồ số 12 thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng như lời khai của bà B đã trình bày. Nếu giải quyết ly hôn ông đồng ý với bà B là vợ chồng tự giải quyết về tài sản chung và ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản này.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy

định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị B được ly hôn ông Dương Quang T; về con chung: không giải quyết; về tài sản chung: Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của bà B; về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị B khởi kiện ly hôn với ông Dương Quang T, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Dương Quang T hiện đang cư trú tại thôn N, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thàn phố Hải Phòng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, đủ cơ sở xác định: Bà Nguyễn Thị B và ông Dương Quang T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện A (nay là huyện A), thành phố Hải Phòng vào ngày 20 tháng 4 năm 1991, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau trong cuộc sống, vợ chồng đã sống ly thân hơn hai năm nay không ai quan tâm và có trách nhiệm với ai nữa. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà B và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị B là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị B và ông Dương Quang T có hai con là Dương Quang K sinh ngày 01 tháng 3 năm 1992 và Dương Quang T sinh ngày 02 tháng 6 năm 1998. Hiện tại các con đã trưởng thành nên tự quyết định cuộc sống của mình.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị B và ông Dương Quang T có tài sản chung là diện tích đất 604m^2 và ngôi nhà trên diện tích đất 604m^2 thuộc thửa 667 tờ bản đồ số 12 tại thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Khi khởi kiện ly hôn bà B có yêu cầu Tòa án chia tài sản này và đã được Tòa án thụ lý theo quy

định của pháp luật. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bà B đã rút yêu cầu chia tài sản này và bà B cùng ông T đều có quan điểm tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nêu trên. Xét việc rút yêu cầu chia tài sản chung của bà B là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên áp dụng Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản của bà B.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do bà B rút yêu câu chia tài sản chung nên trả lại cho bà B số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị B được ly hôn ông Dương Quang T.

2. Về con chung: Con chung Dương Quang K sinh ngày 01 tháng 3 năm 1992 và Dương Quang T sinh ngày 02 tháng 6 năm 1998 đã trưởng thành nên tự quyết định cuộc sống của mình.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị B đối diện tích đất 604m^2 và ngôi nhà trên đất thuộc thửa đất số 667 tờ bản đồ số 12 tại thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng, thửa đất đứng tên chủ sử dụng ông Dương Quang T.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 7.800.000 đồng tạm ứng án phí bà B đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004180 ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, nay trả lại cho bà Nguyễn Thị B số tiền 7.500.000đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

***Nơi nhận**:*
- Đương sự;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, T.P Hải Phòng;
- UBND xã A, huyện A, T.P Hải Phòng;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Liên